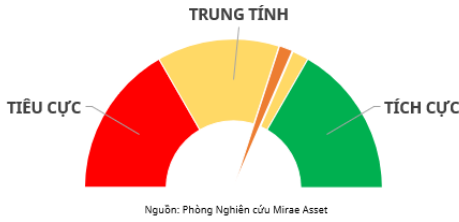


21 Tháng Ba 2022

Thang đo sức mạnh thị trường



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,494.95	1.76	-1.05	25.20
HNX	458.29	1.57	3.92	65.03
UPCOM	116.18	0.12	2.21	42.59
MSCI EM	1,122.98	0.18	-7.91	-16.00
NIKKEI	26,827.43	0.65	-0.31	-9.95
HANG SENG	21,199.50	-0.99	-12.29	-26.88
KOSPI	2,686.05	-0.77	-2.10	-11.63
FTSE	7,407.13	0.03	-1.03	10.41
S&P 500	4,463.12	1.17	2.63	14.06
NASDAQ	13,893.84	2.05	2.55	5.13

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.03	2.63	15.54
SET INDEX	18.27	1.67	9.59
JCI INDEX	21.74	2.27	9.55
PCOMP INDEX	20.53	1.74	8.76

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	1.78	6	66	65
10 năm	2.39	6	17	-7

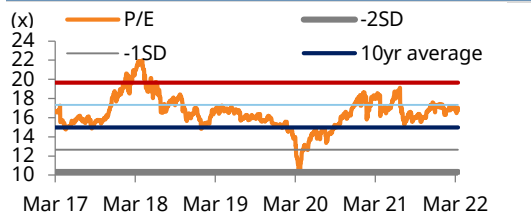
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,860	0.02	-0.13	0.91
US\$/KRW	1,216	-0.67	-2.01	-7.23
US\$/JPY	119	-0.02	-3.73	-8.68
US\$/EUR	0.90	-0.09	2.25	7.89
US\$/GBP	0.76	0.08	3.31	5.30
US\$/SGD	1.36	0.07	-0.69	-1.05

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	974	1,100	963
HNX	137	146	134
UPCOM	60	83	73

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Bất động sản bùng nổ

Sau một tuần đi ngang với xu hướng tích lũy, VN-Index mở phiên giao dịch đầu tuần ngay trong vùng xanh. Xuyên suốt phiên, đà tăng được giữ vững và tăng tốc mạnh vào phiên chiều với trợ lực chính đến từ nhóm Bất động sản. Nhóm Bất động sản tăng tốc đã giúp VN-Index có phiên tăng mạnh nhất kể từ sau Tết âm lịch. Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-index đóng cửa tại 1.494,9 điểm, tăng mạnh 25,8 điểm, tương ứng 1,7% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 24.224 tỷ đồng, HNX: 3.352 tỷ đồng, UPCOM: 1.656 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm mạnh với nhóm Bất động sản dẫn sóng khi gần như tất cả các mã trong nhóm này, từ penny đến blue-chip, đều bùng nổ trong phiên hôm nay với NVL, PDR, DXG, DIG, HQC, LDG đều kịch trần, hay KDH (+4,5%), VHM (+3,9%) hoặc NLG (+6,6%). Sức tăng từ nhóm Bất động sản lan tỏa đến khắp các nhóm ngành còn lại đã giúp cho VN-Index ghi nhận tới 326 mã tăng giá so với 113 mã giảm giá.

Khối ngoại hôm nay bất ngờ quay đầu mua ròng gần 1.100 tỷ đồng và trải đều ở nhiều mã. Các mã được mua ròng nhiều nhất là STB (116 tỷ) và GEX (113 tỷ)

Phiên tăng mạnh giúp điểm số của VN-Index được cải thiện rõ rệt. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae phục hồi lên -2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,0x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (21/03/2022)	1.494,9	Kháng cự 1 1.540
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.580
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.480
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.430

Từ vùng hỗ trợ 1.430-1.440 VN-Index phục hồi liên tục, áp sát mốc 1.500 điểm và thêm một lần kiểm định ngưỡng tâm lý này.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

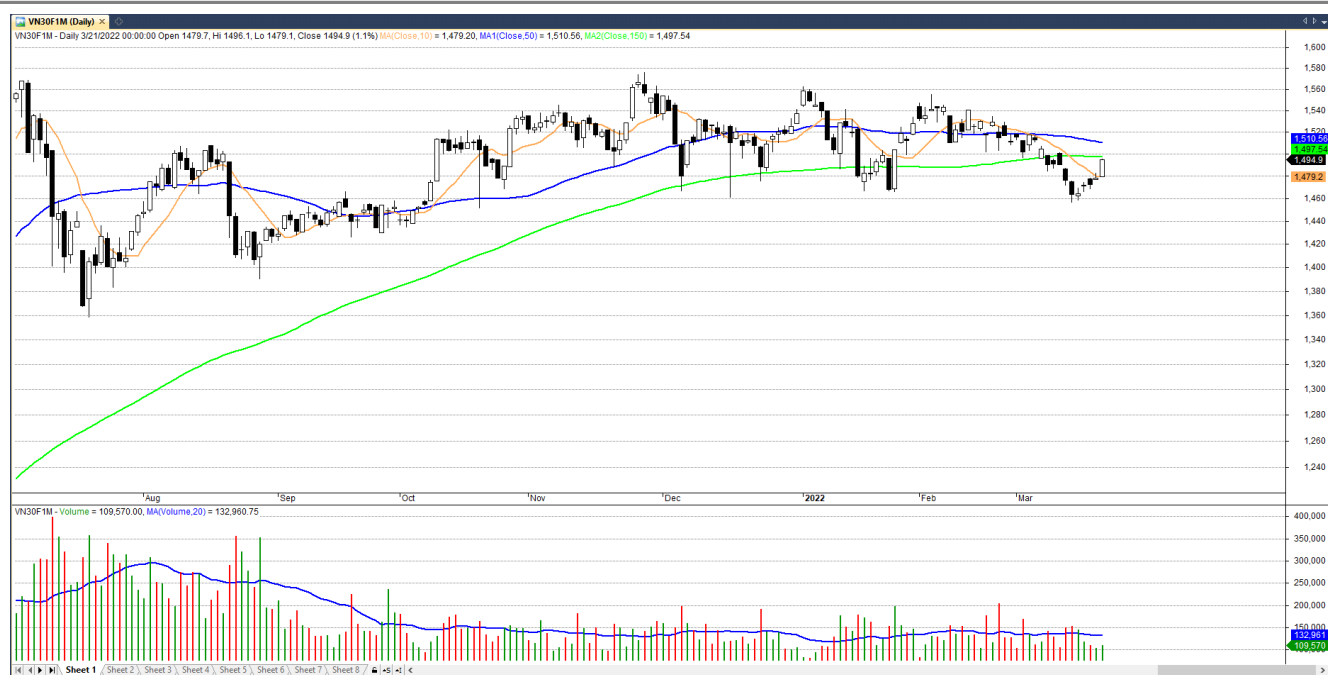
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (21/03/2022)	1.494,9	Kháng cự 1	1.550
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.580
VN30 - đóng cửa	1.502	Hỗ trợ 1	1.520
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-7,8	Hỗ trợ 2	1.480

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TIÊU CỰC

Điểm kỹ thuật của VN30F1M được cải thiện, các chỉ số intra-day đã bắt đầu chuyển sang trung tính và khả quan.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DGW	Bán lẻ	126,500	577,385	99	7	Top sức mạnh ngành
HDG	Bất động sản	73,500	1,368,605	99	5	Top sức mạnh ngành
DGC	Hóa chất	199,500	2,400,320	100	5	
PLC	Nhựa đường	48,500	713,390	82	6	
ASM	Thủy sản	20,850	5,960,600	91	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DIG	101.6	5,739,015	7	KHẢ QUAN	50,789	50.3	6.9	583
FLC	14.95	23,230,504	7	KHẢ QUAN	10,614	130.5	1.2	347
NLG	59.5	5,391,490	7	KHẢ QUAN	22,785	19.5	2.6	321
NVL	82.4	3,797,670	7	KHẢ QUAN	159,067	43.1	4.5	313
SHB	22.15	9,978,500	7	KHẢ QUAN	59,071	11.1	1.7	221
TTF	17.2	9,453,920	7	KHẢ QUAN	6,769	610.0	12.3	163
ROS	9	15,693,985	7	KHẢ QUAN	5,108	53.8	0.8	141
HQC	9.25	14,634,960	7	KHẢ QUAN	4,409	1,058.4	1.0	135
LCG	21.6	5,994,145	7	KHẢ QUAN	3,724	17.2	1.6	129
FCN	28.1	4,419,985	7	KHẢ QUAN	4,424	33.4	1.6	124
VHG	11.1	8,119,470	7	KHẢ QUAN	1,665	#N/A N/A	8.8	90
STB	33.1	18,732,196	6	KHẢ QUAN	62,401	17.8	1.8	620
HAG	12.3	21,886,720	6	KHẢ QUAN	11,407	61.9	2.5	269
BCG	27.1	8,803,570	6	KHẢ QUAN	12,095	11.0	3.4	239
HBC	28.1	6,183,045	6	KHẢ QUAN	6,903	69.2	1.9	174
HNG	9.95	11,986,345	6	KHẢ QUAN	11,030	#N/A N/A	1.8	119
DGC	199.5	2,400,320	5	KHẢ QUAN	34,130	15.2	5.6	479
CEO	74.2	6,380,770	5	KHẢ QUAN	19,095	205.0	6.4	473
TCB	49.45	7,178,910	5	KHẢ QUAN	173,615	9.6	1.9	355
VHM	77.5	4,377,170	5	KHẢ QUAN	337,463	8.6	2.6	339
PDR	90.9	3,517,900	5	KHẢ QUAN	44,793	24.4	6.4	320
VIC	81	3,380,580	5	KHẢ QUAN	308,929	#N/A N/A	3.1	274
CTG	32.85	7,756,965	5	KHẢ QUAN	157,869	11.2	1.7	255
SCR	23.8	10,044,525	5	KHẢ QUAN	8,719	46.6	1.8	239
HUT	51.3	4,374,295	5	KHẢ QUAN	17,885	327.3	4.7	224
LDG	22.55	9,686,360	5	KHẢ QUAN	5,400	40.4	1.7	218
VRE	33.2	6,556,520	5	KHẢ QUAN	75,441	57.4	2.5	218
FRT	147.1	1,280,885	5	KHẢ QUAN	11,618	26.2	7.0	188
LPB	22.4	8,266,460	5	KHẢ QUAN	26,960	9.2	1.6	185
HDB	28.3	4,969,220	5	KHẢ QUAN	56,946	9.3	1.9	141
ASM	20.85	5,960,600	5	KHẢ QUAN	7,017	11.7	1.4	124
HDG	73.5	1,368,605	5	KHẢ QUAN	14,982	13.0	3.3	101

VCG	44.2	4,675,690	4	KHẢ QUAN	19,524	38.2	3.0	207
VNM	77.6	2,285,705	4	KHẢ QUAN	162,181	17.2	4.9	177
VCB	84.9	1,414,365	4	KHẢ QUAN	401,791	17.0	3.6	120
HHV	24.5	4,649,600	4	KHẢ QUAN	6,551	#N/A N/A	1.0	114
BID	43.8	2,361,430	4	KHẢ QUAN	221,563	21.0	2.7	103
VIX	23	4,428,055	4	KHẢ QUAN	12,631	9.1	2.2	102
CTR	97.3	805,875	4	KHẢ QUAN	9,041	21.6	6.9	78
DXG	44.8	11,870,630	3	TRUNG TÍNH	26,904	23.1	3.0	532
IDI	23.55	4,477,350	3	TRUNG TÍNH	5,361	39.3	1.8	105
FPT	95.3	1,454,820	2	TRUNG TÍNH	86,490	19.9	4.8	139
VHC	84.6	1,227,855	2	TRUNG TÍNH	15,393	14.0	2.7	104
DPG	80.6	1,096,495	2	TRUNG TÍNH	5,078	14.1	3.7	88
HDC	105.4	792,995	2	TRUNG TÍNH	9,114	28.7	6.2	84
MWG	134.9	1,353,860	1	TRUNG TÍNH	96,161	19.5	4.7	183
MBB	32.2	19,142,616	0	TRUNG TÍNH	121,662	9.6	2.0	616
CII	31.95	9,059,985	0	TRUNG TÍNH	7,748	#N/A N/A	1.6	289
VND	32	8,314,115	0	TRUNG TÍNH	38,971	12.6	3.5	266
IDC	73.5	2,912,615	0	TRUNG TÍNH	22,050	48.7	5.6	214
ITA	16.65	12,071,675	0	TRUNG TÍNH	15,623	53.6	1.4	201
ACB	32.95	5,254,365	0	TRUNG TÍNH	89,029	9.3	2.0	173
PNJ	105.6	1,455,675	0	TRUNG TÍNH	24,010	23.3	4.0	154
KDC	54.5	2,584,555	0	TRUNG TÍNH	13,714	23.2	2.1	141
AAA	17.8	5,043,790	0	TRUNG TÍNH	5,811	17.7	1.2	90
GVR	34.6	2,288,180	0	TRUNG TÍNH	138,400	32.5	2.9	79
GEX	39.25	15,080,725	-2	TRUNG TÍNH	33,421	27.5	2.8	592
KBC	53.8	8,171,555	-2	TRUNG TÍNH	30,653	33.8	2.2	440
POW	16.2	17,615,560	-2	TRUNG TÍNH	37,938	21.3	1.3	285
SHS	41.7	5,063,490	-2	TRUNG TÍNH	13,564	9.0	2.2	211
GMD	54.4	3,631,875	-2	TRUNG TÍNH	16,395	29.5	2.6	198
HCM	35.5	4,272,595	-2	TRUNG TÍNH	16,231	12.7	2.2	152
TCH	21.3	7,095,760	-2	TRUNG TÍNH	14,233	20.3	1.6	151
VJC	143.3	999,970	-2	TRUNG TÍNH	77,613	63.1	4.6	143
PC1	44.4	3,154,700	-2	TRUNG TÍNH	10,441	14.8	2.2	140
GAS	114	1,220,240	-2	TRUNG TÍNH	218,190	26.0	4.3	139
MSN	145	938,990	-2	TRUNG TÍNH	171,178	20.0	5.2	136
KSB	47.2	2,273,545	-2	TRUNG TÍNH	3,601	15.9	1.9	107
SZC	74.2	1,379,075	-2	TRUNG TÍNH	7,420	24.6	5.1	102
VGT	25.5	3,523,145	-2	TRUNG TÍNH	12,750	44.7	2.1	90
HVN	25.2	3,506,275	-2	TRUNG TÍNH	55,803	#N/A N/A	23.3	88
TVC	22.9	3,843,935	-2	TRUNG TÍNH	2,716	4.0	1.5	88
PAN	31.35	2,711,255	-2	TRUNG TÍNH	6,549	22.2	1.6	85
VIB	44.8	1,688,800	-2	TRUNG TÍNH	69,581	11.0	2.9	76
HPG	46.85	27,848,184	-4	TIÊU CỰC	209,556	6.1	2.3	1,305
VPB	36.8	18,696,520	-4	TIÊU CỰC	163,593	13.8	2.1	688
DPM	62.4	8,807,650	-4	TIÊU CỰC	24,419	7.9	2.3	550
SSI	44.3	11,211,480	-4	TIÊU CỰC	43,980	16.0	3.1	497
DCM	42.6	9,865,535	-4	TIÊU CỰC	22,552	12.9	3.0	420
BSR	26.8	14,110,305	-4	TIÊU CỰC	83,093	#N/A N/A	2.7	378

TPB	39.9	6,012,905	-4	TIÊU CỰC	63,112	12.1	2.4	240
PLX	56	3,521,270	-4	TIÊU CỰC	71,153	24.0	2.8	197
PVT	26	7,222,295	-4	TIÊU CỰC	8,415	12.6	1.6	188
VCI	59.5	2,925,635	-4	TIÊU CỰC	19,814	13.2	3.0	174
TSC	17.4	9,337,110	-4	TIÊU CỰC	2,569	22.4	1.5	162
HAH	92.1	1,660,035	-4	TIÊU CỰC	4,493	10.5	2.9	153
SBT	23.3	5,476,970	-4	TIÊU CỰC	14,659	20.5	1.8	128
DBC	74	1,700,455	-4	TIÊU CỰC	8,528	10.3	1.8	126
TNG	33.7	3,468,630	-4	TIÊU CỰC	3,124	12.1	2.1	117
PVC	27.5	3,682,600	-4	TIÊU CỰC	1,375	95.1	1.9	101
OIL	18.8	4,204,340	-4	TIÊU CỰC	19,444	37.1	1.9	79
TCM	70.4	1,102,345	-4	TIÊU CỰC	5,017	41.4	3.0	78
VOS	21	3,501,895	-4	TIÊU CỰC	2,940	6.0	2.9	74
PVX	6.7	11,012,745	-5	TIÊU CỰC	2,680	#N/A N/A	12.8	74
NKG	47.3	12,010,910	-6	TIÊU CỰC	10,378	4.4	1.8	568
PVS	35.1	14,913,645	-6	TIÊU CỰC	16,777	27.9	1.4	523
HSG	38.2	12,941,040	-6	TIÊU CỰC	18,851	4.5	1.7	494
PVD	36.3	11,191,955	-6	TIÊU CỰC	15,287	974.8	1.1	406
DDV	29	3,170,335	-6	TIÊU CỰC	4,237	22.2	2.9	92
VPI	61.5	1,478,780	-6	TIÊU CỰC	13,530	38.0	4.2	91

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá xăng giảm hơn 600 đồng/lít từ 15h ngày 21/3

Từ 15 giờ chiều nay 21/3, giá xăng đã có đợt giảm đầu tiên sau 7 lần liên tục tăng giá. Kỳ điều hành lần này, giá bình quân các sản phẩm xăng dầu trên thị trường thế giới giữa 02 kỳ điều hành giảm so với giá bình quân kỳ trước (mặc dù lại đang có xu hướng tăng trở lại trong vài ngày gần đây), mức chi Quỹ BOG cho các mặt hàng đang được áp dụng ở mức tương đối cao (từ 300-1,500 đồng/lít) trong khi số dư Quỹ BOG đã gần hết (tại 13 doanh nghiệp Quỹ đã âm). Trước tình hình trên, để có dư địa điều hành giá trong các kỳ tới khi thị trường còn diễn biến phức tạp, Liên Bộ Công Thương - Tài Chính quyết định giảm chi sử dụng Quỹ BOG đối với các mặt hàng xăng dầu, bắt đầu trích lập Quỹ BOG đối với một số mặt hàng để giá các mặt hàng xăng dầu trong nước biến động theo xu hướng của giá thế giới, giảm áp lực cho Quỹ BOG và có dư địa để điều hành giá cho các kỳ tiếp theo, bảo đảm góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát và bình ổn thị trường, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong quá trình phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện các quy định, hướng dẫn, chỉ đạo điều hành của Chính phủ và các cấp có thẩm quyền, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính quyết định: Trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu: Trích lập Quỹ BOG đối với xăng E5RON92 ở mức 200 đồng/lít, xăng RON95 ở mức 50 đồng/lít, dầu diesel ở mức 400 đồng/lít, dầu hỏa ở mức 300 đồng/lít, dầu mazut không trích lập. Chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu: ngừng chi sử dụng Quỹ BOG đối với tất cả các mặt hàng xăng dầu.

HSG: Mục tiêu giữa năm sau sẽ hết nợ vay

Sáng ngày 21/3, Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) tổ chức ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2021-2022 để thông qua nhiều định hướng quan trọng. Tại đại hội, ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch HĐQT chia sẻ năm 2021 tiếp tục là năm đầy khó khăn của nền kinh tế nói chung do dịch bệnh. Trong bối cảnh đó, Hoa Sen đã linh hoạt đẩy mạnh xuất khẩu để bù đắp sự sụt giảm trong thời gian dịch bệnh phức tạp quý III. Nhờ đó, công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh hết sức khả quan năm qua. Cụ thể, niên độ 2020-2021, Hoa Sen ghi nhận sản lượng tiêu thụ 2,25 triệu tấn, tăng 39%; doanh thu thuần 48.727 tỷ đồng, tăng 77% và lợi nhuận sau thuế 4.313 tỷ đồng, tăng 274% so với niên độ trước. Với năm nay, Chủ tịch Hoa Sen cho rằng những khó khăn, thách thức vẫn còn. Để tiếp tục phát triển, HĐQT đã đề ra chiến lược duy trì thế mạnh hiện có, đẩy mạnh chuỗi Hoa Sen Home và tái cấu trúc tập đoàn theo hướng chuyên môn hóa để tối ưu hiệu quả. Do vậy, HĐQT trình 3 phương án kinh doanh. Trong đó, kế hoạch về sản lượng được đề ra là 2 triệu tấn và doanh thu 46.399 tỷ đồng cho cả 3 phương án. Riêng với chỉ tiêu lợi nhuận sẽ thay đổi từ 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ và 2.500 tỷ đồng phụ thuộc vào diễn biến giá nguyên liệu đầu vào. Các chỉ tiêu kinh doanh năm nay ghi nhận giảm 11,1% về sản lượng, gần 5% về doanh thu và giảm từ 42% đến 65% về lợi nhuận sau thuế so với thực hiện niên độ 2020-2021.

POW: Sự cố tại nhà máy Vũng Áng 1 không phải là nguyên nhân chính hụt thu tháng 2

PV Power (HoSE: POW) vừa có văn bản giải trình về sự cố tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 ảnh hưởng đến doanh thu tháng 2. Ngày 11/2, tổ máy số 2 gặp sự cố thủng ống lò hơi nên nhà máy Vũng Áng 1 phải dừng vận hành khắc phục sự cố trong 4 ngày. Đến ngày 16/2, tổ máy số 2 đã vận hành trở lại. PV Power cho biết sự cố này không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu và sản lượng tháng 2 của công ty. Nguyên nhân chính là do nhu cầu phụ tải điện trên toàn hệ thống sụt giảm mạnh; tỷ trọng các nhà máy điện năng lượng tái tạo tăng cao dẫn tới các nhà máy nhiệt điện phải giảm phát trong các chu kỳ cao điểm ngày. Trong đó có Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với sản lượng 154,8 triệu kWh, doanh thu ước đạt 249 tỷ đồng, giảm 40% so với tháng 1 và tương đương 60% kế hoạch tháng. Ngoài ra, việc vận hành các nhà máy điện phụ thuộc rất nhiều vào Qc được giao, tháng 2, Qc của các nhà máy điện đang tham gia thị trường được giao

rất thấp, tình hình chính trị thế giới xảy ra các biến cố mới, xung đột Nga - Ukraine khiến giá của các nguồn cung nhiên liệu như dầu, khí, than tăng cao. Theo đó, trong tháng 2, sản lượng điện đạt 890,3 triệu kWh, vượt 10% kế hoạch tháng, song giảm 28% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu ước đạt 1.580 tỷ đồng, vượt 19% kế hoạch tháng và giảm 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế đến hết tháng 2, sản lượng điện toàn tổng công ty là hơn 2 tỷ kWh, tương đương 120% kế hoạch. Doanh thu các nhà máy điện ước tính 3.720 tỷ đồng, vượt 31% chỉ tiêu. Lợi nhuận trước thuế 145 tỷ đồng, cải thiện so với mục tiêu đề ra là lỗ 255 tỷ đồng.

DRC: ước lãi quý I giảm, mục tiêu lợi nhuận quý II tiếp tục giảm

Theo thông tin tại cuộc họp HĐQT mới đây, CTCP Cao su Đà Nẵng (HoSE: DRC) ước tính doanh thu quý I đạt 1.164 tỷ đồng, vượt kế hoạch 17%, cao hơn 28% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 91% so với năm ngoái, khoảng 72 tỷ đồng và hoàn thành mục tiêu đề ra. Quý II tới đây, HĐQT công ty đặt mục tiêu doanh thu là 1.255 tỷ đồng, tăng 8% so với quý I và 4% so với cùng kỳ 2021. Lợi nhuận trước thuế tăng 11% so với quý trước, đạt 80 tỷ đồng nhưng giảm 40% so với cùng kì năm trước. Năm 2022, Cao su Đà Nẵng đặt kế hoạch doanh thu tăng 5% lên 4.600 tỷ đồng. Ban lãnh đạo kỳ vọng doanh thu xuất khẩu sang Mỹ sẽ tăng gấp 3 lần, trong khi chi phí vận chuyển kỳ vọng dịu lại. Ngược lại, mục tiêu lợi nhuận trước thuế giảm 12,2% xuống 320 tỷ đồng

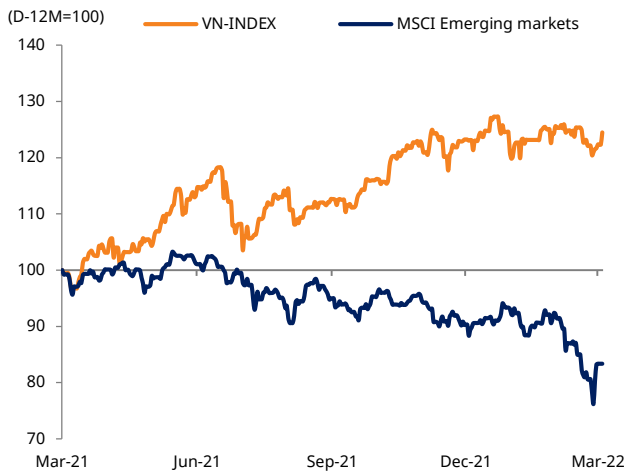
HAG: HAGL dự kiến phát hành cổ phiếu riêng lẻ để huy động 1.200 tỷ đồng

Ông Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức), Chủ tịch Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HoSE: HAG) vừa có thông điệp gửi cổ đông. HAGL dự kiến phát hành cổ phiếu riêng lẻ để huy động vốn chủ sở hữu 1.200 tỷ đồng đầu tư vào ngành chuối và chăn nuôi heo. Vốn chủ sở hữu đến cuối năm ngoái là hơn 4.677 tỷ đồng. Theo lãnh đạo, giải pháp này sẽ giúp tăng hệ số an toàn tài chính, đầu tư gia tăng tài sản sinh lợi qua đó tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm rủi ro, tăng giá trị và mức độ hấp dẫn với cổ phiếu HAG. Bầu Đức nhấn mạnh rằng HAGL có lợi thế quỹ đất rộng, xa khu dân cư; khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp; khoảng cách địa lý và điều kiện vận chuyển cũng thuận lợi. “Sản phẩm chuối và thịt heo là hai loại thực phẩm cơ bản và thiết yếu với cuộc sống, chưa kể thị trường tiêu thụ rộng lớn”. Về chiến lược tái cấu trúc kinh doanh, tập đoàn tập trung vào hai lĩnh vực chính là cây ăn trái và chăn nuôi heo. Diện tích cây ăn trái theo kế hoạch là 10.000 ha, trong đó cây chuối chiếm 7.000 ha (HAGL đã trồng được 5.000 ha đến cuối năm ngoái, sang năm nay sẽ trồng thêm 2.000 ha).

KBC: thu 334 tỷ đồng từ bán gần 6 triệu cổ phiếu quỹ

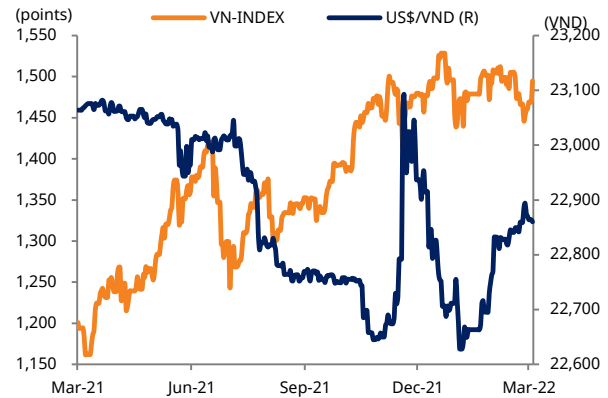
Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC) cho biết đã bán thành công 5,95 triệu cổ phiếu quỹ với giá bình quân 56.246 tỷ đồng. Giao dịch được thực hiện từ 16/2 đến 16/3, theo phương thức khớp lệnh. Doanh nghiệp thu về hơn 334 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, lỗ 8% so với giá gốc mua. Đô thị Kinh Bắc mua cổ phiếu quỹ trong giai đoạn trước 2009.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



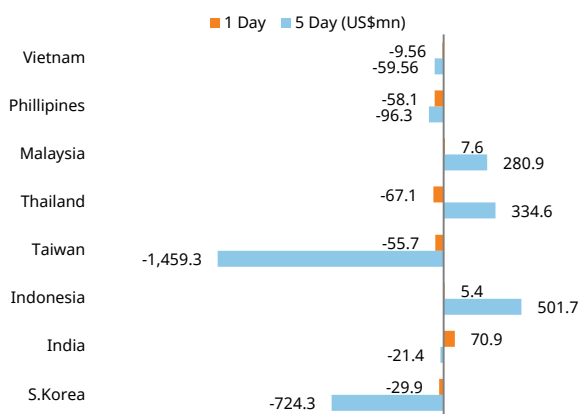
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



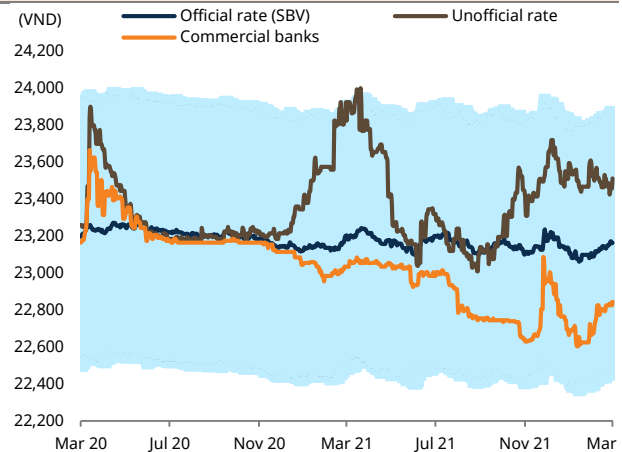
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



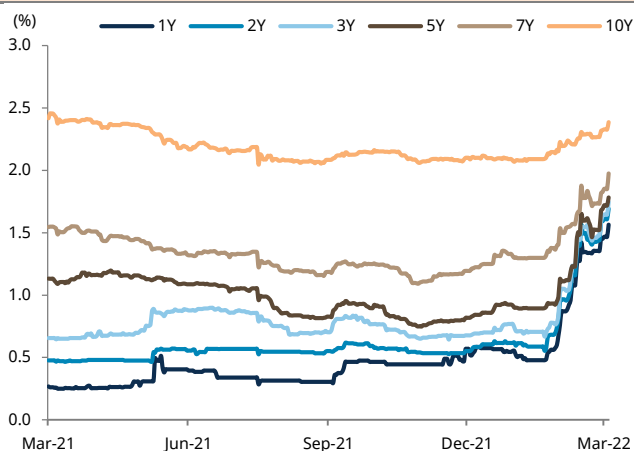
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



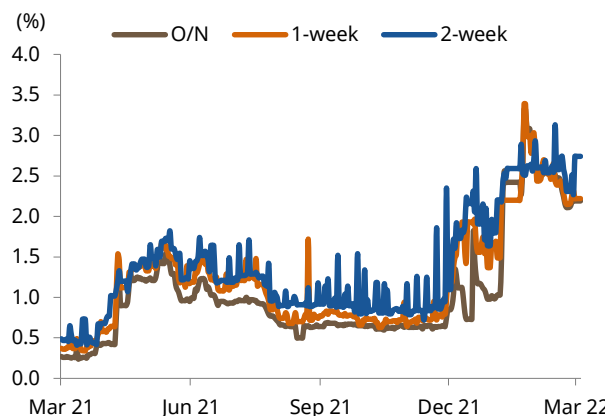
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,502.67	3,873,821		1.7	2.8	-2.0	24.9	14.5	12.3	2.6	2.2	35.0	17.7	23.0	20.2
Asia Commercial Bank	ACB VN	32,950	89,029	30.0	0.5	0.8	-4.2	21.9	9.4	7.2	2.0	1.6	24.6	31.1	23.5	24.4
BIDV	BID VN	43,800	221,563	16.8	-0.2	6.1	-3.2	22.4	21.0	16.5	2.7	2.3	81.7	27.2	13.2	17.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	58,500	43,426	26.4	4.3	6.2	2.3	-4.1	23.1	20.8	2.1	1.9	20.9	11.0	9.1	9.7
VietinBank	CTG VN	32,850	157,869	25.8	0.2	3.0	-4.5	4.8	11.2	7.9	1.7	1.5	2.9	41.6	15.9	19.6
FPT Corp	FPT VN	95,300	86,490	49.0	0.2	3.8	1.9	37.3	21.9	17.6	4.8	4.1	21.5	24.6	23.4	27.0
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	114,000	218,190	2.7	4.7	7.5	-1.6	25.4	26.2	18.9	4.3	3.8	8.1	38.2	17.4	21.5
Vietnam Rubber Group	GVR VN	34,600	138,400	0.5	1.8	3.7	0.0	15.3	32.5	26.0	2.9	#N/A	12.8	25.1	8.9	10.8
HDBank	HDB VN	28,300	56,946	15.7	2.5	4.4	-4.4	30.3	9.3	7.9	1.9	#N/A	42.5	18.3	23.3	21.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	46,850	209,556	22.2	0.8	2.3	0.4	34.1	6.1	6.9	2.3	1.8	170.6	-12.4	46.1	29.2
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	53,300	34,269	32.8	4.5	6.2	-1.7	80.7	29.8	24.7	3.4	3.0	-4.4	20.4	12.2	13.7
MBBank	MBB VN	32,200	121,662	23.2	0.3	1.7	-1.4	48.9	9.6	8.1	2.0	1.5	53.0	17.9	23.6	22.8
Masan Group Corp	MSN VN	145,000	171,178	28.4	6.1	6.5	-9.5	63.5	19.9	31.5	5.2	5.2	589.7	-36.7	35.1	17.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	134,900	96,161	49.0	2.5	2.4	0.7	52.1	21.7	15.0	4.7	4.0	7.7	44.8	27.3	28.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	82,400	159,067	6.6	6.9	7.7	5.0	85.4	45.3	27.9	4.5	3.9	-18.7	62.4	10.6	15.4
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	90,900	44,793	2.5	6.9	3.9	-0.3	63.0	24.9	#N/A	6.4	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	56,000	71,153	17.0	0.2	0.2	-6.5	-0.5	24.7	17.9	2.8	2.1	230.7	37.7	12.3	15.4
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	105,600	24,010	48.6	2.0	7.2	-0.8	24.8	25.2	17.7	4.0	3.3	-2.6	42.3	17.0	21.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	16,200	37,938	2.1	0.6	3.5	-12.0	20.9	21.3	22.0	1.3	1.3	-23.9	-2.9	6.1	5.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	152,200	97,603	62.6	0.5	-1.2	-10.3	-15.4	27.3	22.7	4.6	4.2	-21.7	20.2	17.9	19.7
SSI Securities Corp	SSI VN	44,300	43,980	37.8	1.1	2.5	-3.7	101.4	15.9	19.8	3.1	#N/A	114.9	-19.6	22.5	15.2
Sacombank	STB VN	33,100	62,401	19.7	0.0	1.8	-0.3	68.9	17.8	11.8	1.8	1.6	48.8	51.1	10.8	14.2
Techcombank	TCB VN	49,450	173,615	22.5	0.5	2.0	-4.0	17.7	9.6	8.1	1.9	1.5	46.3	18.8	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	39,900	63,112	29.7	1.0	1.8	-2.4	86.4	12.3	9.5	2.4	2.0	28.5	29.6	22.6	23.0
Vietcombank	VCB VN	84,900	401,791	23.6	0.8	0.8	-2.9	15.0	14.4	14.6	3.6	2.8	68.6	-1.4	21.4	20.4
Vinhomes JSC	VHM VN	77,500	337,463	23.8	3.9	4.0	-3.1	3.0	8.6	9.4	2.6	2.1	41.6	-9.3	36.4	25.0
Vingroup JSC	VIC VN	81,000	308,929	12.7	2.8	3.4	-3.1	-15.9	NA	276.0	3.1	3.2	-154.2	-136.0	-3.1	1.1
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	143,300	77,613	16.7	-3.3	-1.2	-1.8	9.8	482.5	63.0	#N/A	#N/A	126.7	666.0	1.0	6.8
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	77,600	162,181	54.2	2.1	0.5	-4.2	-23.7	17.2	15.9	4.9	4.7	-5.3	8.0	29.3	31.3
VPBank	VPB VN	36,800	163,593	17.5	1.5	2.2	2.5	46.5	13.8	11.2	2.1	1.7	12.4	23.2	18.0	16.6
Vincom Retail JSC	VRE VN	33,200	75,441	30.0	0.6	3.8	-2.6	-2.4	57.4	27.5	2.5	2.3	-44.8	108.8	4.4	8.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	25.85	5,810,713	1.8	3.4	-1.1	25.2	36.8	20.8	17.1	14.1
Ô tô và phụ tùng	0.00	9,660	0.1	0.5	3.3	17.3	1.6	9.3	15.8	14.5
Ngân hàng	3.03	1,849,770	0.7	1.8	-2.3	28.8	41.4	22.0	12.5	10.3
Xây dựng cơ bản	1.76	350,217	2.1	4.0	1.5	113.0	15.7	14.2	21.5	18.8
Dịch vụ thương mại	0.00	5,662	0.1	0.6	6.0	20.0	-4.7	26.0	16.7	13.2
May mặc và trang sức	0.10	54,854	0.8	1.0	2.0	48.5	12.8	26.4	20.2	16.0
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	10,371	-0.9	-1.4	-0.5	21.8	7.6	1167.4	803.8	63.4
Dịch vụ tài chính	0.45	186,552	1.1	2.0	-0.3	112.5	151.5	3.1	10.7	10.4
Dầu khí	0.14	99,747	0.5	0.4	-0.8	14.1	120.1	42.7	25.0	17.5
Thực phẩm, đồ uống	4.03	569,549	2.9	1.2	-4.3	20.8	29.5	-2.1	21.7	22.2
Y tế	0.04	4,786	3.3	4.2	23.1	128.2	74.8	39.7	41.8	29.9
Bảo hiểm	0.69	58,866	4.8	5.0	4.9	15.2	32.0	4.3	19.2	18.4
Nguyên vật liệu	1.82	562,617	1.3	1.6	5.9	57.6	127.3	-0.2	9.4	9.4
Dược phẩm	0.07	33,579	0.9	0.4	-2.6	12.7	10.4	7.4	17.9	16.7
Bất động sản	11.41	1,283,818	3.6	4.8	-0.5	28.4	7.1	26.4	23.6	18.7
Bán lẻ	0.65	116,371	2.2	3.0	4.0	84.9	18.0	25.1	21.9	17.5
Phần mềm và dịch vụ	0.03	94,245	0.1	4.2	2.1	40.0	22.5	19.0	22.2	18.7
Vận tải	-0.61	219,361	-1.0	-1.1	-1.1	26.8	-3.2	100.4	#N/A	5559
Tiện ích	2.54	366,968	2.8	2.5	-3.3	22.7	10.2	22.8	20.6	16.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	77,500	3.9	4,454,000	3.2
NVL VN	82,400	6.9	7,255,400	2.6
MSN VN	145,000	6.1	890,400	2.5
GAS VN	114,000	4.7	830,800	2.5
VIC VN	81,000	2.8	3,705,300	2.2
VNM VN	77,600	2.1	1,884,100	0.9
VCB VN	84,900	0.8	933,900	0.9
DIG VN	101,600	6.9	5,941,800	0.8
PDR VN	90,900	6.9	6,146,600	0.7
VPB VN	36,800	1.5	6,580,000	0.6

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VJC VN	143,300	-3.3	788,200	-0.7
BID VN	43,800	-0.2	1,279,000	-0.1
HPX VN	30,800	-4.5	597,900	-0.1
HVN VN	25,200	-0.6	2,922,400	-0.1
HAH VN	92,100	-3.9	1,448,400	0.0
DPG VN	80,600	-3.1	1,516,300	0.0
BCG VN	27,100	-1.1	8,436,200	0.0
DQC VN	59,600	-6.9	1,121,700	0.0
PGV VN	35,400	-0.3	24,700	0.0
BAF VN	62,400	-2.0	1,021,500	0.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.